



Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập

Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

0100101308

ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ 19 vào ngày 19 tháng 8 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Vũ Đức Giang

Chủ tịch (từ ngày 6/6/2026)
Chủ tịch (đến ngày 6/6/2026)
Phó Chủ tịch (từ ngày 6/6/2026)
Phó Chủ tịch (đến ngày 6/6/2026)
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 6/6/2026)
Thành viên (đến ngày 6/6/2026)

Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Thân Đức Việt
Ông Bạch Thăng Long
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thân Đức Việt
Ông Bạch Thăng Long
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
Ông Nguyễn Ánh Dương
Bà Phạm Bích Hồng
Ông Hoàng Thế Nhu
Ông Hà Mạnh
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5/1/2026)
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5/1/2026)

Ban Kiểm soát

Bà Tạ Thu Hà
Bà Nguyễn Thị Nga
Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Phúc Lợi, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Y
G
HÀ



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00256-26-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Thùy Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3846-2022-007-1

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		2.176.689.575.009	2.092.652.953.100
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	124.490.540.008	99.601.570.128
Tiền	111		122.480.157.025	97.597.825.739
Các khoản tương đương tiền	112		2.010.382.983	2.003.744.389
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		522.287.102.064	445.073.492.702
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	10(a)	522.287.102.064	445.073.492.702
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		475.512.257.542	543.129.358.275
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	528.275.572.364	599.844.384.426
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	29.436.254.680	28.516.242.059
Phải thu ngắn hạn khác	135	13(a)	5.460.471.136	6.682.918.532
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	14	(87.660.040.638)	(91.914.186.742)
Hàng tồn kho	140	15	958.547.494.504	894.603.666.204
Hàng tồn kho	141		962.500.972.199	898.712.472.673
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(3.953.477.695)	(4.108.806.469)
Tài sản ngắn hạn khác	160		95.852.180.891	110.244.865.791
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		6.595.835.894	6.912.037.583
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		88.934.502.130	103.321.364.208
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	23	321.842.867	11.464.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 270)	200		726.951.077.389	656.045.432.850
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.343.448.652	7.325.494.046
Phải thu dài hạn khác	215	13(b)	9.343.448.652	7.325.494.046
Tài sản cố định	220		627.265.753.295	577.753.803.837
Tài sản cố định hữu hình	221	16	622.992.674.864	576.053.576.897
Nguyên giá	222		2.029.961.875.794	1.924.185.830.176
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.406.969.200.930)	(1.348.132.253.279)
Tài sản cố định vô hình	227	17	4.273.078.431	1.700.226.940
Nguyên giá	228		17.208.895.983	17.533.895.983
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.935.817.552)	(15.833.669.043)
Tài sản dở dang dài hạn	250		17.112.543.377	10.482.429.703
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	18	17.112.543.377	10.482.429.703
Đầu tư tài chính dài hạn	260		3.403.230.255	3.403.230.255
Đầu tư vào công ty con	261	10(b)	3.403.230.255	3.403.230.255
Tài sản dài hạn khác	270		69.826.101.810	57.080.475.009
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	19	69.826.101.810	57.080.475.009
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.903.640.652.398	2.748.698.385.950

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.218.503.955.059	2.062.211.385.636
Nợ ngắn hạn	310		2.019.912.718.390	1.864.872.956.732
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	822.958.740.943	763.131.252.485
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	33.427.410.255	15.335.873.087
Phải trả cổ tức	313	22	37.500.034.168	595.791.493
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước ngắn hạn	314	23	15.703.843.100	37.721.471.845
Phải trả người lao động	315		274.540.804.264	384.850.229.146
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		4.767.528.462	4.479.048.732
Phải trả ngắn hạn khác	320	24(a)	8.909.908.332	6.334.675.695
Vay ngắn hạn	321	25(a)	709.567.034.873	564.860.586.546
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	26	112.537.413.993	87.564.027.703
Nợ dài hạn	330		198.591.236.669	197.338.428.904
Phải trả dài hạn khác	338	24(b)	2.360.604.850	2.420.604.850
Vay dài hạn	339	25(b)	175.678.841.048	173.844.012.433
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344	27	20.551.790.771	21.073.811.621

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	28	685.136.697.339	686.487.000.314
Vốn cổ phần	411	29	317.510.000.000	317.510.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		317.510.000.000	317.510.000.000
Thặng dư vốn	412		5.382.400.000	5.382.400.000
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(2.440.000)	(2.440.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	31	270.905.695.935	180.973.841.321
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	420		91.341.041.404	182.623.198.993
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		9.092.468.534	2.759.489.766
- Lợi nhuận kỳ này/năm nay	420b		82.248.572.870	179.863.709.227
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.903.640.652.398	2.748.698.385.950

Ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt





Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	2.460.886.478.889	2.409.836.787.855
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	63.247.345	12.065.456
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	33	2.460.823.231.544	2.409.824.722.399
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	2.201.050.920.634	2.186.649.013.056
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		259.772.310.910	223.175.709.343
Doanh thu hoạt động tài chính	22	35	44.617.536.028	65.967.353.131
Chi phí tài chính	23	36	29.066.680.553	39.620.050.584
Trong đó: Chi phí đi vay	24		18.051.312.959	12.775.219.818
Chi phí bán hàng	25	37	115.316.197.900	104.607.088.513
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	62.858.717.949	57.676.080.444
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		97.148.250.536	87.239.842.933
Thu nhập khác	31	39	2.781.637.681	6.181.628.053
Chi phí khác	32		1.800.539.901	3.124.413.437
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		981.097.780	3.057.214.616
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		98.129.348.316	90.297.057.549
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	15.880.775.446	13.787.034.945
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		82.248.572.870	76.510.022.604

Ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt

Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026	30/6/2025
		VND	VND
Mã		Thuyết	
số		minh	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	98.129.348.316	90.297.057.549
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	59.576.727.812	47.050.942.144
Các khoản dự phòng	03	(4.409.474.878)	5.157.061.862
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.827.382.557	1.015.847.081
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(20.717.037.773)	(9.942.924.025)
Chi phí đi vay	06	18.051.312.959	12.775.219.818
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	154.458.258.993	146.353.204.429
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	79.096.047.119	(53.350.116.152)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(63.788.499.526)	94.274.427.250
Giảm các khoản phải trả	11	(48.154.141.913)	(146.153.987.967)
(Tăng), giảm chi phí chờ phân bổ	12	(12.429.425.112)	1.852.428.821
		109.182.239.561	42.975.956.381
Chi phí đi vay đã trả	14	(17.782.890.906)	(12.809.036.811)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(39.508.732.418)	(38.215.330.013)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.999.355.555)	(6.391.880.031)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.891.260.682	(14.440.290.474)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(93.344.534.735)	(103.828.104.200)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	13.500.000	227.272.727
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(436.590.814.000)	(393.552.626.645)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	364.800.000.000	406.862.904.111
Tiền thu lãi tiền gửi	27	12.040.149.322	13.277.607.357
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(153.081.699.413)	(77.012.946.650)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Máy 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		710.292.672.840	627.703.461.975
Tiền trả nợ gốc vay	34		(562.544.430.685)	(589.883.539.597)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36		(10.721.891.325)	(31.716.908.378)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		137.026.350.830	6.103.014.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		24.835.912.099	(85.350.223.124)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	9	99.601.570.128	230.798.952.399
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		53.057.781	(410.296.824)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	124.490.540.008	145.038.432.451

Ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập

 Nguyễn Thị Thu Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt

 Trần Thanh Bình
 Kế toán trưởng


 Thân Đức Việt
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- đào tạo nghề;
- cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- xuất nhập khẩu trực tiếp;
- sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty có 5 chi nhánh hạch toán độc lập và 1 công ty con (1/1/2026: 5 chi nhánh hạch toán độc lập và 1 công ty con). Chi tiết về công ty con được trình bày tại Thuyết minh 10(b).

Trước đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty con khác của Tổng Công ty là Công ty TNHH May Phù Đồng đã được hoàn tất thủ tục giải thể.

Các chi nhánh hạch toán độc lập của Tổng Công ty bao gồm:

- Khách sạn Garco Dragon
- Hệ thống siêu thị M10 Mart
- Trường Cao đẳng Nghề Long Biên
- Xí nghiệp May Hà Quảng
- Xí nghiệp May Bím Sơn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty có 6.936 nhân viên (1/1/2026: 6.943 nhân viên).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tổng Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tổng Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(i));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(k)).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Ngoại trừ các thay đổi trọng yếu trong chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3, những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ một phần của các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản tiền gửi. Các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính không được đánh giá lại chênh lệch tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các tỷ lệ nêu trên là mức trích lập tham chiếu. Căn cứ vào đánh giá khả năng thu hồi thực tế và các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có thể trích lập dự phòng với tỷ lệ cao hơn đối với các khoản phải thu có rủi ro tổn thất cao. Các khoản phải thu không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2,5 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2,5 – 7 năm
▪ thiết bị quản lý	2,5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

(ii) Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản

Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

(iv) Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác

Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác bao gồm các chi phí bảo hiểm, chi phí thuê cửa hàng và các chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong vòng từ 14 tháng đến 36 tháng.

(j) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(k) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại Hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Cổ phiếu mua lại của chính mình

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi Tổng Công ty mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phân vốn chủ sở hữu.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu mua lại của chính mình chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu. Khi cổ phiếu mua lại của chính mình được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(o) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.



Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty con của Tổng Công ty, Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

7. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.



Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Tổng Công ty không có thay đổi đáng kể nào khác trong cơ cấu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền mặt	1.757.401.921	1.652.024.216
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	120.722.755.104	95.945.801.523
Các khoản tương đương tiền (**)	2.010.382.983	2.003.744.389
 Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	 124.490.540.008	 99.601.570.128

(*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	89.219.307.946	65.610.588.905
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	23.580.838.931	3.366.364.074
Các ngân hàng khác	7.922.608.227	26.968.848.544
	120.722.755.104	95.945.801.523

(**) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và được hưởng lãi suất từ 1,5% đến 2,4% (1/1/2026: từ 1,5% đến 1,6%) một năm. Các khoản tương đương tiền có số dư trên 10% tổng số dư tương đương tiền của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.010.382.983	2.003.744.389

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***10. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND và USD, có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi VND hưởng lãi suất từ 3,4% đến 9,1% (1/1/2026: từ 3,9% đến 7,3%) một năm. Các khoản tiền gửi bằng USD không hưởng lãi. Chi tiết các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị phân bổ VND	30/6/2026 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị phân bổ VND (Đã phân loại lại)	1/1/2026 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam						
Thịnh Vượng SMBC	202.895.498.521	202.895.498.521	-	202.271.649.315	202.271.649.315	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam						
Thịnh Vượng	165.514.777.575	165.514.777.575	-	149.006.153.699	149.006.153.699	-
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	87.801.226.698	87.801.226.698	-	70.931.741.207	70.931.741.207	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	66.075.599.270	66.075.599.270	-	22.863.948.481	22.863.948.481	-
	522.287.102.064	522.287.102.064	-	445.073.492.702	445.073.492.702	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 86.060 triệu VND (1/1/2026: 48.422 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 25(a)).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư vào công ty con**

	Địa chỉ	% sở hữu và biểu quyết	30/6/2026			% sở hữu và biểu quyết	01/01/2026		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10	Hà Nội, Việt Nam	100%	3.403.230.255	-	(*)	100%	3.403.230.255	-	(*)

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Li & Fung Trading Ltd	107.399.462.624	(87.660.040.638)	116.682.414.709	(91.914.186.742)
Abercrombie & Fitch Trading Co	97.062.540.054	-	108.800.753.406	-
Asmara International Limited	51.075.837.554	-	99.215.852.360	-
Oktava Co., Ltd (Hongkong)	17.394.477.405	-	83.531.000.920	-
Lever Style Limited	10.823.184.863	-	59.514.727.574	-
Các khách hàng khác	244.520.069.864	-	132.099.635.457	-
	528.275.572.364	(87.660.040.638)	599.844.384.426	(91.914.186.742)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty con				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10	3.761.006.715	-	3.800.779.594	-
Công ty liên quan khác				
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.592.455.602	-	5.918.267.715	-
	9.353.462.317	-	9.719.047.309	-

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

12. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Minh Anh	5.237.526.630	4.494.651.215
Công ty TNHH LeTrading Việt Nam	2.721.600.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Trường Lộc	-	2.823.660.000
Các nhà cung cấp khác	21.477.128.050	21.197.930.844
	29.436.254.680	28.516.242.059

13. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (*)	351.836.641	351.836.641
Tạm ứng cho nhân viên	1.143.695.163	721.043.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.836.785.692	4.280.524.323
Phải thu ngắn hạn khác	2.128.153.640	1.329.514.568
	5.460.471.136	6.682.918.532

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.219.120.504	2.028.146.012
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (*)	861.834.588	1.037.753.088
Phải thu dài hạn khác	4.262.493.560	4.259.594.946
	9.343.448.652	7.325.494.046

(*) Đây là khoản bồi thường giải phóng mặt bằng trả thay cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hóa liên quan đến Dự án mở rộng Xí Nghiệp May Bim Sơn. Khoản này sẽ được bù trừ với tiền thuê đất trong tương lai.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2026			Thời gian quá hạn	1/1/2026		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Li & Fung Trading Ltd	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	87.660.040.638	(87.660.040.638)	-	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	91.914.186.742	(91.914.186.742)	-

15. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	18.821.959.841	-	31.555.465.373	-
Nguyên liệu, vật liệu	416.145.359.963	-	354.925.770.820	-
Công cụ và dụng cụ	642.241.525	-	967.685.751	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	155.723.962.029	-	138.482.595.314	-
Sản phẩm	299.779.759.920	(3.953.477.695)	278.032.031.713	(4.108.806.469)
Hàng hóa	15.089.985.818	-	14.913.492.324	-
Hàng gửi đi bán	56.297.703.103	-	79.835.431.378	-
	962.500.972.199	(3.953.477.695)	898.712.472.673	(4.108.806.469)

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	618.464.068.432	993.407.789.598	62.493.446.062	249.820.526.084	1.924.185.830.176
Tăng trong kỳ	2.965.762.419	71.536.953.251	3.801.600.000	22.485.878.339	100.790.194.009
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	257.256.608	-	5.483.435.001	5.740.691.609
Thanh lý	-	(183.500.000)	-	(571.340.000)	(754.840.000)
Số dư cuối kỳ	621.429.830.851	1.065.018.499.457	66.295.046.062	277.218.499.424	2.029.961.875.794
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	311.414.057.405	832.085.666.320	50.281.051.006	154.351.478.548	1.348.132.253.279
Khấu hao trong kỳ	13.937.745.554	29.113.531.217	2.352.828.100	14.187.682.780	59.591.787.651
Thanh lý	-	(183.500.000)	-	(571.340.000)	(754.840.000)
Số dư cuối kỳ	325.351.802.959	861.015.697.537	52.633.879.106	167.967.821.328	1.406.969.200.930
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	307.050.011.027	161.322.123.278	12.212.395.056	95.469.047.536	576.053.576.897
Số dư cuối kỳ	296.078.027.892	204.002.801.920	13.661.166.956	109.250.678.096	622.992.674.864

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 1.031.790 triệu VND (1/1/2026: 1.021.883 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 210.949 triệu VND (1/1/2026: 236.473 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 25(b)).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang được sử dụng của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Nhà xưởng sản xuất xí nghiệp Bim Sơn 2022	73.067.677.852	74.807.614.618
Nhà xưởng 5 tầng xí nghiệp Thái Hà – Gia Lễ	65.814.201.697	67.195.890.625
Các tài sản cố định hữu hình khác	484.110.795.315	434.050.071.654
	622.992.674.864	576.053.576.897

17. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	15.145.898.335	2.387.997.648	17.533.895.983
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.040.000.000	-	3.040.000.000
Thanh lý	(3.365.000.000)	-	(3.365.000.000)
Số dư cuối kỳ	14.820.898.335	2.387.997.648	17.208.895.983
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	13.445.671.395	2.387.997.648	15.833.669.043
Khấu hao trong kỳ	467.148.509	-	467.148.509
Thanh lý	(3.365.000.000)	-	(3.365.000.000)
Số dư cuối kỳ	10.547.819.904	2.387.997.648	12.935.817.552
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.700.226.940	-	1.700.226.940
Số dư cuối kỳ	4.273.078.431	-	4.273.078.431

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 11.527 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 14.892 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, các tài sản cố định vô hình chủ yếu đang được sử dụng của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Phần mềm kế toán Bravo 10	2.961.548.387	-
Phần mềm hệ thống quản trị xuất nhập khẩu	336.290.323	448.790.323
Các tài sản cố định vô hình khác	975.239.721	1.251.436.617
	4.273.078.431	1.700.226.940

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.482.429.703	76.485.875.449
Tăng trong kỳ	15.410.805.283	64.568.132.180
Lãi vay vốn hóa	-	1.562.298.322
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.740.691.609)	(128.759.293.665)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.040.000.000)	-
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	(1.798.905.478)
Chuyển hạch toán chi phí	-	(223.398.945)
	17.112.543.377	11.834.707.863

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Máy móc chờ lắp đặt	5.779.877.243	3.163.328.889
Cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy tại xí nghiệp Hà Quảng	3.772.142.667	159.622.358
Dự án nâng cấp trạm biến áp tại Tổng Công ty	-	2.401.835.736
Các dự án khác	7.560.523.467	4.757.642.720
	17.112.543.377	10.482.429.703

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	21.626.661.478	2.443.616.880	28.753.570.260	4.256.626.391	57.080.475.009
Tăng trong kỳ	13.397.897.367	-	14.146.220.433	1.094.951.597	28.639.069.397
Phân bổ trong kỳ	(6.015.597.711)	(56.662.644)	(8.414.276.863)	(1.406.905.378)	(15.893.442.596)
Số dư cuối kỳ	29.008.961.134	2.386.954.236	34.485.513.830	3.944.672.610	69.826.101.810

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Allied Global Corporation Limited	72.248.082.239	50.881.245.400
Fu Yuan International Holdings Pte. Limited	63.219.188.917	5.273.334.153
Topsun Garment Limited	52.740.892.442	85.384.382.426
Oktava Co., Ltd	46.369.393.572	91.918.123.010
Các nhà cung cấp khác	588.381.183.773	529.674.167.496
	822.958.740.943	763.131.252.485

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10	1.511.638.771	6.329.404.967
Công ty liên quan khác		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	-	139.600.000
	1.511.638.771	6.469.004.967

Khoản phải trả thương mại đối với công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty không có khoản phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	12.379.519.500	-
Lever Style Limited	5.403.643.782	6.232.437.708
Water Industries Inc	3.521.971.313	-
Fu Yuan International Holdings Pte Limited	2.995.778.556	3.568.076.966
Các khách hàng khác	9.126.497.104	5.535.358.413
	33.427.410.255	15.335.873.087

	30/6/2026		1/1/2026	
	Thời gian thanh toán	VND	Thời gian thanh toán	VND
				(Đã phân loại lại)
Trả cổ tức bằng tiền	Ngày 1 tháng 7 năm 2026	37.500.034.168	Ngày 25 tháng 7 năm 2025	595.791.493

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)***23. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước ngắn hạn**

	1/1/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ	30/6/2026
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.747.733.311	19.186.911.485	(17.611.455.464)	4.323.189.332
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.867.951.972	15.880.775.446	(39.508.732.418)	9.239.995.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.400.236.651	6.779.605.418	(6.623.828.345)	1.556.013.724
Thuế nhà thầu	655.649.864	293.979.371	(689.640.274)	259.988.961
Thuế xuất nhập khẩu	49.900.047	1.058.418.952	(783.662.916)	324.656.083
Thuế đất	(11.464.000)	7.165.226.570	(7.475.605.437)	(321.842.867)
Các loại thuế khác	-	453.910.931	(453.910.931)	-
	37.710.007.845	50.818.828.173	(73.146.835.785)	15.382.000.233
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu	(11.464.000)			(321.842.867)
Thuế phải nộp	37.721.471.845			15.703.843.100

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Kinh phí công đoàn	4.557.542.127	2.949.366.917
Lãi vay phải trả	658.559.075	390.137.022
Tiền bồi thường nhận được cho việc di dời		
Xí nghiệp may Thái Hà	-	908.045.818
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.693.807.130	2.087.125.938
	8.909.908.332	6.334.675.695

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đặt cọc dài hạn	2.360.604.850	2.420.604.850

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

25. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2026		Biến động trong kỳ		30/6/2026
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	497.804.762.918	682.466.601.266	(530.900.997.008)	1.191.077.876	650.561.445.052
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 25(b))	67.055.823.628	26.855.242.959	(34.905.476.766)	-	59.005.589.821
	564.860.586.546	709.321.844.225	(565.806.473.774)	1.191.077.876	709.567.034.873

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Khoản vay ngân hàng 1	USD	329.188.993.794	200.469.225.920
Khoản vay ngân hàng 2	USD	169.945.277.342	182.957.862.696
Khoản vay ngân hàng 3	USD	151.427.173.916	114.377.674.302
		650.561.445.052	497.804.762.918

Khoản vay ngân hàng 3 được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 86.060 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 48.422 triệu VND) (Thuyết minh 10(a)). Các khoản vay ngắn hạn khác từ các ngân hàng khác không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của các ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Khoản vay ngân hàng 4	VND	2026 - 2028	180.829.041.610	165.472.970.042
Khoản vay ngân hàng 5	VND	2026 - 2029	50.275.389.259	72.710.866.019
Vay cá nhân	VND	2026 - 2030	3.580.000.000	2.716.000.000
			234.684.430.869	240.899.836.061
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a))			(59.005.589.821)	(67.055.823.628)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			175.678.841.048	173.844.012.433

Các khoản vay từ các ngân hàng có lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của các ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 210.949 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 236.473 triệu VND) (Thuyết minh 16).

Vay cá nhân thể hiện các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty từ tiền thưởng phải trả hàng năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo với lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng vay cụ thể.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại Hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	87.564.027.703	85.827.259.204
Trích lập trong kỳ	35.972.741.845	14.868.223.789
Sử dụng trong kỳ	(10.999.355.555)	(6.391.880.031)
Số dư cuối kỳ	112.537.413.993	94.303.602.962

27. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	21.073.811.621	11.913.343.334
Khấu hao trong kỳ	(482.208.348)	(136.536.054)
Điều chỉnh khác	(39.812.502)	-
Số dư cuối kỳ	20.551.790.771	11.776.807.280

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2025	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	146.281.319.147	99.946.369.728	569.117.648.875
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	76.510.022.604	76.510.022.604
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	34.692.522.174	(34.692.522.174)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(14.868.223.789)	(14.868.223.789)
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	(47.626.133.998)	(47.626.133.998)
Số dư tại ngày 30/6/2025	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	180.973.841.321	79.269.512.371	583.133.313.692
Số dư tại ngày 1/1/2026	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	180.973.841.321	182.623.198.993	686.487.000.314
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	82.248.572.870	82.248.572.870
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	89.931.854.614	(89.931.854.614)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(35.972.741.845)	(35.972.741.845)
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	(47.626.134.000)	(47.626.134.000)
Số dư tại ngày 30/6/2026	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	270.905.695.935	91.341.041.404	685.136.697.339

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	31.751.000	317.510.000.000	31.751.000	317.510.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	31.751.000	317.510.000.000	31.751.000	317.510.000.000
Cổ phiếu mua lại của chính mình				
Cổ phiếu phổ thông	(244)	(2.440.000)	(244)	(2.440.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	31.750.756	317.507.560.000	31.750.756	317.507.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	30/6/2026 và 1/1/2026		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	10.227.398	102.273.980.000	32,21
Các cổ đông khác	21.523.358	215.233.580.000	67,79
	31.750.756	317.507.560.000	100

30. Cổ tức

Ngày 6 tháng 6 năm 2026, Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty đã phê duyệt quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2025 với số tiền là 47.626 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: 47.626 triệu VND).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

31. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông ngày 6 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty đã trích 89.932 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: 34.693 triệu VND) từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2025 vào quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

32. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	26.285.378.275	26.003.902.645
Trong vòng hai đến năm năm	76.098.768.922	79.226.879.207
Sau năm năm	82.198.349.705	87.749.659.676
	184.582.496.902	192.980.441.528

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026	1/1/2026
			VND	VND
Thuê đất	10 hợp đồng	30 – 50 năm	146.718.832.740	155.414.763.916
Thuê cửa hàng	25 hợp đồng	1 – 10 năm	37.863.664.162	37.565.677.612
			184.582.496.902	192.980.441.528

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	Đơn vị	30/6/2026	1/1/2026
Vải nhận gia công	Mét	1.472.179	1.394.308
Dụng nhận gia công	Mét	536.835	385.263
Vật tư, hàng hóa khác nhận gia công	Mét	129.135	108.274

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	4.113.573	108.167.647.504	2.203.760	57.467.460.733
Euro (“EUR”)	109	3.292.678	408	12.401.738
		108.170.940.182		57.479.862.471

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Báo cáo tình hình tài chính:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	12.769.749.803	80.198.904.006
Đã được duyệt và ký kết hợp đồng	31.730.917.082	73.843.593.780
	44.500.666.885	154.042.497.786

(e) Hợp đồng hoán đổi tiền tệ và lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty có các cam kết mua ngoại tệ theo các hợp đồng hoán đổi tiền tệ và lãi suất chéo để phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lãi suất phát sinh từ các khoản vay bằng ngoại tệ. Chi tiết các hợp đồng còn hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận là một khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Cam kết hợp đồng hoán đổi tiền tệ và lãi suất	292.638.780.022	-

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.282.680.643.114	2.188.874.576.447
▪ Cung cấp dịch vụ	24.053.474.405	20.439.516.359
▪ Dịch vụ gia công	154.152.361.370	200.522.695.049
	2.460.886.478.889	2.409.836.787.855
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(63.247.345)	(12.065.456)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.460.823.231.544	2.409.824.722.399

34. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Hàng hóa và sản phẩm đã bán	2.102.956.205.665	1.975.912.967.681
Dịch vụ đã cung ứng	14.078.160.485	10.566.988.166
Dịch vụ gia công	84.171.883.258	196.751.180.900
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(155.328.774)	3.417.876.309
	2.201.050.920.634	2.186.649.013.056

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi	17.332.726.684	12.082.509.871
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.326.114.408	53.844.069.648
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.253.473	24.063.404
Doanh thu hoạt động tài chính khác	930.441.463	16.710.208
	44.617.536.028	65.967.353.131

36. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.051.312.959	12.775.219.818
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.159.442.161	25.804.684.816
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.855.636.030	1.039.910.485
Chi phí tài chính khác	289.403	235.465
	29.066.680.553	39.620.050.584

37. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	44.909.255.461	38.766.416.919
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.290.612.040	2.803.347.158
Chi phí quảng cáo	5.620.906.043	3.499.032.199
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	11.925.617.198	6.528.876.577
Chi phí xuất khẩu	21.415.316.383	22.494.589.009
Chi phí thuê cửa hàng	10.034.613.785	9.946.674.776
Chi phí bán hàng khác	19.119.876.990	20.568.151.875
	115.316.197.900	104.607.088.513

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	20.887.934.121	28.430.939.009
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.269.280.894	2.867.145.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.558.008.638	14.430.842.588
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(4.254.146.104)	1.739.185.553
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.397.640.400	10.207.967.652
	62.858.717.949	57.676.080.444

39. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	1.358.894.481	318.400.428
Tiền hỗ trợ di dời tài sản nhà máy Thái Hà	908.045.818	5.451.517.021
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	43.500.000	-
Các khoản khác	471.197.382	411.710.604
	2.781.637.681	6.181.628.053

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.216.238.133.746	1.165.623.008.285
Chi phí nhân viên	567.465.910.321	520.951.017.333
Chi phí khấu hao	59.576.727.812	47.050.942.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	465.864.880.806	441.948.103.359
Chi phí khác	44.329.847.469	48.469.170.679

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

41. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	15.880.775.446	13.395.222.561
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	391.812.384
Chi phí thuế thu nhập	15.880.775.446	13.787.034.945

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	98.129.348.316	90.297.057.549
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.625.869.663	18.059.411.510
Chi phí không được khấu trừ thuế	287.146.437	67.044.115
Biến động các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	106.996.346	-
Giảm thuế (*)	(4.139.237.000)	(4.672.444.445)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	391.812.384
Các khoản mục khác	-	(58.788.619)
	15.880.775.446	13.787.034.945

(*) Tổng Công ty được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.312.400.162	9.344.277.253
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.094.480.130	1.260.099.081
Bên liên quan khác		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Chia cổ tức	15.341.097.000	15.341.097.000
Bán hàng hóa	6.297.642.160	7.608.725.630
<i>Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa	2.422.222	2.526.852
<i>Công ty Cổ phần May Nam Định</i>		
Mua hàng hóa	-	1.133.091.666
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao và thưởng	810.000.000	670.000.000
<i>Tổng Giám đốc</i>		
Lương và thưởng	1.119.060.585	1.005.128.620
<i>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc</i>		
Lương và thưởng	5.284.271.470	4.449.703.190
<i>Thành viên Ban Kiểm soát</i>		
Thù lao và thưởng	442.421.650	342.688.150

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

43. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chuyển khoản phải trả nhân viên thành khoản vay dài hạn	864.000.000	803.000.000
Bù trừ khoản phải trả nhân viên với khoản vay dài hạn	-	82.000.000

44. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh được mang sang từ (i) các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đối với các khoản mục trên báo cáo tình hình tài chính riêng và các thuyết minh có liên quan; và (ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Tổng Công ty áp dụng Thông tư 99 và thay đổi trên cơ sở phi hồi tố các chính sách kế toán đối với một số khoản mục. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số số liệu thông tin so sánh được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 (đã phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	445.073.492.702	436.534.883.081
Phải thu ngắn hạn khác	135	6.682.918.532	15.221.528.153
Phải trả cô tức	313	595.791.493	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	6.334.675.695	6.930.467.188

Ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt

Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc